

## am EPOXIPRIME 401MT

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

**am EPOXIPRIME 401MT** là lớp sơn lót họ epoxy gồm 2 thành phần không pha dung môi, được tạo ra từ một công thức đặc biệt để cho khả năng bám dính cao với lớp hoàn thiện nơi mà bề mặt nền không được khô ráo.

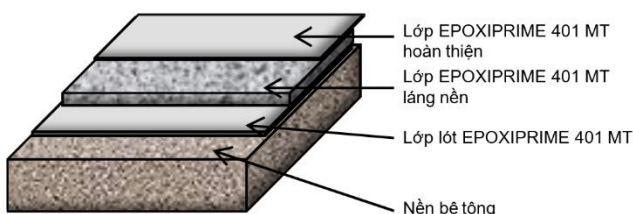
### ƯU ĐIỂM

- Cường độ cơ học cao.
- Sử dụng cho bề mặt mới hoặc cũ và hoàn thiện xây thô.
- Tăng lực bám dính giữa các thành phần nền vượt trội.
- Không chứa dung môi.
- Sử dụng như là chất gây ức chế tăng độ ẩm cho bê tông khi dùng ở dạng vữa epoxy.

### LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Khu vực chế biến thực phẩm, nhà máy bia, lò mổ.
- Hồ, tầng hầm, bề mặt ẩm ướt nơi nước tồn tại nhưng không chảy thành dòng.
- Hầm hoặc nhà giữ xe cao tầng.
- Nhà máy dược, kho hàng.
- Nhà máy đóng chai và xưởng bánh mì.
- Bếp ăn công nghiệp và thương mại.

### PHÁT HỌA HỆ THỐNG



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Nhiệt độ bảo quản: - 20°C đến 60°C  
 Nhiệt độ sử dụng: Tối thiểu: 5°C  
 Tối đa: 35°C

Cường độ nén (ASTM C579-2001)	66.1 N/mm <sup>2</sup>
Cường độ uốn (ASTM C580-2002)	15.7 N/mm <sup>2</sup>
Cường độ bám dính (BS EN1542:1999)	3 N/mm <sup>2</sup>
Chống mài mòn (ASTM D4060:2010)	0.05 wt.loss
Cường độ kéo (BS EN 1542:1999)	10.6 N/mm <sup>2</sup>
Cường độ bám dính nghiêng (ASTM C882:2002)	11.9 N/mm <sup>2</sup>

### THÔNG TIN SẢN PHẨM

<b>Bề ngoài</b>	Không màu
<b>Độ pha loãng</b>	Không pha loãng
<b>Tỉ lệ pha trộn (tính theo khối lượng).</b> Dùng sơn lót Dùng láng nền 3-4mm Dùng hoàn thiện	7:1(A:B) (A+B)1 : 8(20/40 sand) 7:1(A:B)
<b>Bao phủ</b> Dùng sơn lót Dùng dạng vữa— 1mm 2mm 5mm	0.1 kg/m <sup>2</sup> 0.2 kg/m <sup>2</sup> 4 kg/m <sup>2</sup> 10 kg/m <sup>2</sup>
<b>Điểm bốc cháy</b>	> 150°C
<b>Tồn tại dạng gel ở 25°C</b>	2.5 hrs
<b>Hỗn hợp SG ở 25°C</b>	1.10
<b>Thời gian sử dụng (hrs)</b> <b>Thời gian tối đa thi công lớp tiếp theo (hrs)</b>	<b>20°C</b> <b>30°C</b> 2            1 24         12

# CÁC SẢN PHẨM HOÀN THIỆN SÀN, NỀN

## Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt nền phải được hoàn thiện và cường độ nén không ít hơn 25 N/mm<sup>2</sup> với lực bám dính tối thiểu là 1.5 N/mm<sup>2</sup>. Bề mặt phải sạch sẽ, khô và không có các tạp chất bẩn như dầu, chất bẩn, mỡ, các chất xử lý bề mặt. Loại bỏ vữa, hóa chất dư thừa, các thành phần mềm và các chất bẩn khác bám trên bề mặt bằng máy bắn bi kèm theo là máy hút bụi.

Tất cả bề mặt bị hư nên được sửa chữa lại bằng loại vữa thích hợp để đạt được độ bằng và phẳng cho bề mặt.

## Pha trộn

Cho **am** EPOXIPRIME 401MT thành phần B vào thành phần A. Trộn thật kỹ bằng máy trộn với tốc độ chậm (300 vòng/phút) trong vòng 2 phút, trộn đến khi đạt được dạng hồ.

## MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

### Dùn để sơn lót

Quét hỗn hợp bằng con lăn hoặc cọ với tỉ lệ 0.1 kg/m<sup>2</sup>. Phụ thuộc vào độ rỗng của nền, lớp phủ thứ 2 được yêu cầu để đạt được bề mặt hoàn thiện như mong muốn.

### Dùng láng nền

Cho từ từ hỗn hợp **am** EPOXIPRIME 401MT được trộn trước vào thùng chứa cùng với cốt liệu và trộn đến khi đạt được độ đồng nhất và độ chảy thích hợp. Sàn được quét lót trước bằng **am** EPOXIPRIME 401MT rồi đến trải hỗn hợp vừa trộn bằng bay. Trong lúc dưỡng hồ lớp láng, thi công lớp hoàn thiện của **am** EPOXIPRIME 401MT.

## LÀM SẠCH DỤNG CỤ VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

Dụng cụ và thiết bị sử dụng phải được làm sạch với dung môi trước khi bị đông cứng

## DỮ LIỆU ƯỚC TÍNH

Hệ thống	Sản phẩm	Độ bao phủ
Lót Lớp 1/2	EPOXIPRIME 401MT	0.1-0.15kg/m <sup>2</sup>
Láng nền Lớp 1 Lớp 2 (3-4mm) Lớp 3	EPOXIPRIME 401MT EPOXIPRIME 401MT + 20/40 cát  EPOXIPRIME 401MT + chất độn	0.2-0.3 kg/m <sup>2</sup> 2 kg/m <sup>2</sup>  0.3 kg/m <sup>2</sup>

## ĐÓNG GÓI

### **am** EPOXIPRIME 401MT

8.0 kg set – 7.2 kg (Part A), 0.8 kg (Part B)

16.1 kg set – 14.2 kg (Part A), 1.9 kg (Part B)

## HẠN SỬ DỤNG

Sản phẩm có hạn dùng là 06 tháng nếu được bảo quản trong bao bì nguyên, giữ nơi khô ráo và nhiệt độ phù hợp.

## SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

Chỉ sử dụng **am** EPOXIPRIME 401MT như hướng dẫn. Luôn luôn đảm bảo là **Thông tin an toàn hóa chất** được đọc cẩn thận trước khi sử dụng. Đồ bảo hộ, găng tay, mắt kính và mặt nạ phòng độc phải được trang bị trước và trong suốt thời gian sử dụng sản phẩm. Hãy tra cứu và làm theo hướng dẫn của **Thông tin an toàn hóa chất** cho các khuyến cáo về sức khỏe, an toàn và môi trường.

## HỖ TRỢ KỸ THUẬT

**Asia Mortar** cung cấp lời khuyên về kỹ thuật và hỗ trợ trong quá trình thiết kế và ứng dụng hệ thống sàn của chúng tôi. Hãy liên hệ với phòng kỹ thuật để nhận được các thông tin kỹ thuật và bất kỳ yêu cầu hỗ trợ nào.



022-021  
Eco-Friendly Building Material  
Minimum 20% Recycled Content

Asia Mortar Co., LTD ( AM Co., LTD)

Tel: (84-028) 38208686 Fax: (84-028) 3820 8866

Email: amv@asiamortar.com.vn Website: www.asiamortar.com.vn

Revised 3-Aug' 2020



ISO 9001 : 2000 Cert.No. : 021853a

Các chi tiết kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này được đúc kết từ kiến thức, kinh nghiệm và dựa vào các kết quả thí nghiệm thực tế công trường, phòng thí nghiệm. Tuy nhiên trong một số trường hợp tất cả các thông tin nêu trên có thể không được tuân thủ nghiêm ngặt tại công trường do sai phương pháp thi công, do nhà ứng dụng, do điều kiện thi công nên có thể xảy ra kết quả không như đề cập và hoàn toàn không được quy trách nhiệm cho nhà cung cấp. Nên tham khảo bộ phận kỹ thuật Asia Mortar để tránh sai sót trong mọi trường hợp để có kết quả tốt nhất.



ISO 9001 : 2015